

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 14 tháng 10 năm 2020

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật độ sâu khu nước trước cảng cá Mỹ Tân, xã Thanh Hải,
huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

NTN - 03 - 2020

Vùng biển: Tỉnh Ninh Thuận

Căn cứ Đơn đề nghị số 05/BQLKTCCC ngày 05/10/2020 của Ban quản lý khai thác các cảng cá về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải độ sâu khu nước trước cảng cá Mỹ Tân, xã Thanh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận, kèm theo bình đồ độ sâu ký hiệu MT_2009, tỷ lệ 1/1000 và bình đồ rà quét chương ngại vật ký hiệu RA_MT_2009, tỷ lệ 1/1000 do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 9 năm 2020 và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo:

1. Trong phạm vi khảo sát phạm vi khu nước trước bến, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
V8	11°34'53,2"N	109°07'50,3"E	11°34'49,5"N	109°07'56,7"E
V14	11°34'54,3"N	109°07'49,5"E	11°34'50,5"N	109°07'55,9"E
V13	11°34'57,6"N	109°07'53,1"E	11°34'53,9"N	109°07'59,5"E
B5	11°34'57,9"N	109°07'53,1"E	11°34'54,2"N	109°07'59,5"E
B6	11°34'58,5"N	109°07'53,7"E	11°34'54,7"N	109°08'00,1"E
B7	11°34'57,4"N	109°07'54,5"E	11°34'53,7"N	109°08'00,9"E
B8	11°34'57,6"N	109°07'54,7"E	11°34'53,9"N	109°08'01,2"E
B9	11°34'58,7"N	109°07'53,9"E	11°34'55,0"N	109°08'00,3"E
B1	11°34'59,2"N	109°07'54,6"E	11°34'55,4"N	109°08'01,0"E
B2	11°34'59,6"N	109°07'56,0"E	11°34'55,9"N	109°08'02,4"E
V2	11°34'58,1"N	109°07'57,2"E	11°34'54,4"N	109°08'03,6"E
V1	11°34'57,1"N	109°07'55,8"E	11°34'53,4"N	109°08'02,2"E
V5	11°34'56,3"N	109°07'54,7"E	11°34'52,6"N	109°08'01,1"E
V6	11°34'56,0"N	109°07'54,3"E	11°34'52,3"N	109°08'00,7"E
V7	11°34'56,6"N	109°07'53,8"E	11°34'52,9"N	109°08'00,3"E

Độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt -1,3m (trên mực nước số "0" Hải đồ).

2. Trong phạm vi khảo sát vùng neo đậu tàu 2 được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:



Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
V5	11°34'56,3"N	109°07'54,7"E	11°34'52,6"N	109°08'01,1"E
V6	11°34'56,0"N	109°07'54,3"E	11°34'52,3"N	109°08'00,7"E
V7	11°34'56,6"N	109°07'53,8"E	11°34'52,9"N	109°08'00,3"E
V8	11°34'53,2"N	109°07'50,3"E	11°34'49,5"N	109°07'56,7"E
V9	11°34'50,8"N	109°07'52,2"E	11°34'47,0"N	109°07'58,6"E
V10	11°34'51,2"N	109°07'56,2"E	11°34'47,5"N	109°08'02,6"E
V11	11°34'50,1"N	109°07'57,3"E	11°34'46,4"N	109°08'03,7"E
V12	11°34'53,8"N	109°07'56,6"E	11°34'50,1"N	109°08'03,0"E

Độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt -1,0m (trên mực nước số "0" Hải đồ).

3. Trong phạm vi khảo sát vũng neo đậu tàu 1 được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
V1	11°34'57,1"N	109°07'55,8"E	11°34'53,4"N	109°08'02,2"E
V2	11°34'58,1"N	109°07'57,2"E	11°34'54,4"N	109°08'03,6"E
V3	11°34'55,9"N	109°07'58,8"E	11°34'52,2"N	109°08'05,2"E
V4	11°34'53,6"N	109°07'58,3"E	11°34'49,9"N	109°08'04,7"E

Độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 0,2m.

4. Trong phạm vi khảo sát luồng vào cảng cá Mỹ Tân bề rộng luồng 40m, được xác định bởi các điểm tìm luồng có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
A1	11°34'56,7"N	109°07'55,2"E	11°34'53,0"N	109°08'01,7"E
A2	11°34'54,2"N	109°07'57,2"E	11°34'50,4"N	109°08'03,6"E
A3	11°34'52,4"N	109°07'58,0"E	11°34'48,7"N	109°08'04,4"E
A4	11°34'50,4"N	109°07'58,1"E	11°34'46,7"N	109°08'04,5"E
A5	11°34'43,7"N	109°07'56,9"E	11°34'40,0"N	109°08'03,3"E

Độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt -0,5m (trên mực nước số "0" Hải đồ).

5. Trong phạm vi khảo sát rà quét chương ngại vật được giới hạn bởi các điểm có tọa độ nêu trên phát hiện 02 vị trí chương ngại vật như sau:

- Vị trí 1: Là bãi đá san hô có kích thước dài 35m, rộng 25m, nhô cao hơn so với bề mặt đáy 0,4m được giới hạn bởi các điểm tại vị trí có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
Vị trí 1	11°34'51,4"N	109°07'58,4"E	11°34'47,7"N	109°08'04,8"E
	11°34'50,8"N	109°07'58,3"E	11°34'47,1"N	109°08'04,7"E
Vị trí 1	11°34'50,3"N	109°07'58,3"E	11°34'46,6"N	109°08'04,7"E
	11°34'50,3"N	109°07'59,0"E	11°34'46,6"N	109°08'05,5"E

	11°34'50.9"N	109°07'59.1"E	11°34'47.2" N	109°08'05.5"E
--	--------------	---------------	---------------	---------------

- Vị trí 2: là điểm đá có kích thước dài 3m, rộng 1,5m, nhô cao hơn so với bề mặt đáy 0,8m được giới hạn bởi điểm tại vị trí có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
Vị trí 2	11°34'52.1" N	109°07'57.2"E	11°34'48.4" N	109°08'03.6"E

- Ngoài các vị trí chướng ngại vật nêu trên, không phát hiện chướng ngại vật nguy hiểm.

Để biết thêm thông tin chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Ban quản lý khai thác các cảng cá⁽¹⁾./. *Thi*

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Nha Trang;
- Công ty Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KT-KH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT-VP, P. ATHH_{Dat}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Đức Thi



(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Danh sách nơi nhận kèm theo:

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 3 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 4 Cục Cảnh sát biển
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
 - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 7 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam
 - Cty Vận tải Biển Đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đo (Dong Do MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác LĐ Quốc tế (INLACO SAIGON)
 - Công ty CP hàng hải Vinalines Nha Trang
- 8 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 9 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 10 Đài Duyên hải Nha Trang
- 11 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 12 Bộ đội biên phòng tỉnh Khánh Hòa
- 13 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)
- 14 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (Vitranchart)
- 15 Cty Vận tải xăng dầu đường biển
- 16 Cty Vận tải Thủy Bắc
- 17 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I
- 18 Cty Vận tải biển Sài Gòn
- 19 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM
- 20 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 21 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Nam Trung Bộ
- 22 XN Khảo sát hàng hải miền Nam
- 23 XN Tàu dịch vụ dầu khí
- 24 XN Liên doanh dầu khí Việt Xô
- 25 CN 1 – Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 26 Công ty Phương Nam – Bộ Quốc Phòng
- 27 Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV VIII
- 28 Đài thông tin Duyên hải Nha Trang
- 29 Sở GTVT & Sở NN&PTNN tỉnh Khánh Hòa
- 30 Sở GTVT & Sở NN&PTNN tỉnh Ninh Thuận
- 31 Bộ đội biên phòng tỉnh Ninh Thuận
- 32 Ban quản lý khai thác các cảng cá

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

